

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đồng;

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-DS, ngày 16 tháng 9 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lê Đình Tuấn C, sinh năm 1990; nơi cư trú: số nhà A đường Đ, xóm D, thôn B, xã S, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1976 và ông Dương Công C1, sinh năm 1971; cùng nơi cư trú: số nhà D QL55, thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1998; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Ông Lê Đình A, sinh năm 1959; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: số nhà A đường Đ, xóm D, thôn B, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Lê Đình Tuấn C trình bày ý kiến khởi kiện như sau:

Do có mối quan hệ bà con với nhau, ngày 03/11/2021 ông Lê Đình A và bà Nguyễn Thị T (là cha mẹ của anh Lê Đình Tuấn C) thấy gia đình của bà Lê Thị Hồng V đang khó khăn về tài chính nên đã giúp đỡ cho vợ chồng bà V, ông C1 vay tiền. Cụ thể: Gia đình ông A, bà T có thể chấp tại Ngân hàng N chi nhánh T2 một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích khoảng 30.000m², đất trồng cây lâu năm đứng tên Lê Đình A để vay số tiền 500.000.000đ; trong khoản vay này có 200.000.000đ là gia đình anh C sử dụng, còn số tiền 300.000.000đ ông A, bà T cho bà V vay lại; lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng, phần tiền lãi của ai tự người đó trả lãi cho Ngân hàng.

Sau khi vay tại Ngân hàng, ngày 08/11/2021 bà V có viết một giấy mượn tiền xác nhận có mượn số tiền 300.000.000đ của ông Lê Đình A, bà Lê Thị Hồng V và chồng bà V là ông Dương Công C1 cùng ký tên vào giấy vay này.

Ngày 31/10/2022, gia đình anh C trả trước số tiền gốc 20.000.000đ; đến ngày 16/11/2022, tiếp tục trả tiền gốc 180.000.000đ và tiền lãi trong hạn. Như vậy, riêng số tiền 200.000.000đ, gia đình anh C đã thanh toán xong, còn số tiền nợ gốc 300.000.000đ, bà V vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Hàng quý, khi Ngân hàng có thông báo trả tiền lãi thì gia đình anh C sẽ chụp hình lại gửi qua Z cho bà V để bà V tự chủ động đóng tiền lãi cho Ngân hàng.

Đến giữa năm 2023, do sức khỏe của ông Lê Đình A bệnh nặng, không thể đi lại, chỉ nằm một chỗ nên gia đình anh C thống nhất để cho anh C đứng ra thay mặt cho ông A, bà T để xử lý khoản vay 300.000.000đ đã vay cho bà V tại Ngân hàng. Gia đình anh C thông báo lại cho bà V và bà V đồng ý. Ngày 20/3/2023, ông C với bà V cùng đến Văn phòng C2 ký lại một Hợp đồng vay tiền với số tiền 300.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay từ ngày công chứng hợp đồng đến hết ngày 08/11/2025; phương thức trả nợ: vào ngày 29 dương lịch hàng tháng, bên vay phải trả lãi cho bên cho vay; tiền gốc thì chia làm 3 đợt để trả, cụ thể: ngày 08/11/2023, bên vay phải trả cho bên cho vay số tiền gốc 50.000.000đ; ngày 08/11/2024, tiếp tục trả số tiền gốc 50.000.000đ và đến ngày 08/11/2025, trả dứt số tiền 200.000.000đ còn lại. Thời điểm ký hợp đồng chỉ có anh C và bà V; còn ông Dương Công C1 (chồng bà V) đang đi làm xa, không có nhà để ký lại Hợp đồng vay tiền. Khi ký hợp đồng vay tiền được công chứng vào ngày 20/3/2023 thì giấy vay tiền viết tay vào ngày 08/11/2021 giữa anh Lê Đình A với bà V, ông C1 được xem như bị hủy bỏ, không có giá trị.

Đối với khoản tiền 300.000.000đ theo Hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng, từ ngày 29/02/2024 đến ngày 30/9/2025, bà V không trả lãi cho Ngân hàng. Do Ngân hàng nhiều lần gửi thông báo trả nợ, anh C cũng đã liên hệ bà V để thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng nhưng bà V không thực hiện. Khoản tiền lãi của số tiền vay 300.000.000 đồng tại Ngân hàng từ ngày 29/02/2024 đến ngày 30/9/2025 là 52.747.137đồng. Sau khi anh C khởi kiện bà V và ông C1 tại Tòa án

thì bà V có chuyển vào tài khoản của ông A 10.000.000 đồng. Anh C đã dùng số tiền 10.000.000 đồng do bà V chuyển và bỏ ra một phần tiền của mình để thực hiện đóng lãi cho Ngân hàng với số tiền 52.747.137 đồng.

Do đó, anh Lê Đình Tuấn C yêu cầu bà Lê Thị Hồng V và ông Dương Công C1 phải trả lại số tiền gốc 300.000.000đ, tiền lãi từ ngày 29/02/2024 đến ngày 30/9/2025 là 42.747.137đ (52.747.137 đồng – 10.000.000 đồng đã trả) và tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

Ngoài ra, anh Lê Đình Tuấn C không yêu cầu gì khác.

Theo lời khai có trong hồ sơ, bị đơn bà Lê Thị Hồng V trình bày:

Giữa bà Lê Thị Hồng V và ông Lê Đình A là anh em họ với nhau.

Ngày 03/11/2021, khi gia đình bà V đang khó khăn về kinh tế nên ông Lê Đình A (là cha ruột của anh Lê Đình Tuấn C) ngỏ ý muốn giúp đỡ bà V vay tiền ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N. Thời điểm đó, ông Lê Đình A có làm hồ sơ thế chấp tài sản của gia đình để vay Ngân hàng với số tiền là 500.000.000đ, trong đó ông A vay để sử dụng 200.000.000đ và vay cho bà V là 300.000.000đ. Ông A là người đứng ra ký hợp đồng vay tiền với Ngân hàng, các nội dung trong hợp đồng thể hiện: lãi suất 0.87%/tháng, thời hạn vay là 05 năm; phân kỳ trả tiền gốc đối với khoản vay: Tháng 11/2022 phải trả tiền gốc 20.000.000đ; tháng 11/2023 trả gốc là 50.000.000đ; tháng 11/2024 và tháng 11/2025, bà V không nhớ rõ phải trả tiền gốc bao nhiêu nhưng đến tháng 11/2026 là phải trả số tiền gốc còn lại 200.000.000đ.

Từ thời điểm vay (ngày 03/11/2021) đến đến ngày 28/02/2024, bà V trực tiếp trả lãi cho Ngân hàng đầy đủ đối với số tiền gốc 300.000.000 đồng. Từ tháng 3/2024, vào thời điểm này là Tết, bà V cũng gặp khó khăn về tài chính nên chưa trả lãi vào tháng 3/2024. Đến tháng 12/2024, Ngân hàng mới báo tiền lãi cho ông Lê Đình A và ông A chuyển thông báo tiền lãi này cho bà V thì bà V không kịp xoay sở tiền trả lãi cho Ngân hàng. Khi có thông báo trả lãi, bà V có báo cho anh C để bà V sắp xếp trả lãi cho Ngân hàng, anh C đã đồng ý nhưng sau đó không rõ vì lý do gì mà anh C nộp đơn khởi kiện đối bà V, ông C1.

Theo thỏa thuận việc trả tiền lãi với Ngân hàng thì 03 tháng sẽ trả lãi một lần; năm 2024 vì Ngân hàng không báo trả tiền lãi mà từ tháng 3/2024 đến tháng 12/2024, Ngân hàng mới báo trả tiền lãi nên bà V chưa có xoay sở tiền kịp để trả chứ không phải bà V không trả đúng hạn.

Đối với số tiền gốc, vì ông Lê Đình A đã trả 200.000.000đ, vượt hạn mức trả tiền gốc theo phân kỳ trả tiền gốc của Ngân hàng nên thời gian qua bà V không phải trả tiền gốc. Đến tháng 11/2026, mới đến phân kỳ bà V trả tiền gốc cho Ngân hàng theo Hợp đồng vay tiền mà ông A đã ký với Ngân hàng.

Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 20/3/2023 giữa anh Lê Đình Tuấn C với bà V là vì thời điểm này, ông Lê Đình A bị bệnh nặng nên ông A muốn phân chia tài sản cho con, trong đó có liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đang thế chấp ở Ngân hàng. Vợ chồng ông A mới liên hệ với bà V làm Hợp đồng vay tiền giữa bà V với ông C. Nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền ngày 20/3/2023 là căn cứ theo nội dung phương thức trả tiền gốc của Hợp đồng tín dụng, lãi suất là theo mức lãi suất của Ngân hàng. Mọi thông báo trả nợ của Ngân hàng khi thông báo đến ông Lê Đình A thì đều được chuyển lại qua cho bà V để bà V thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng khi đến hạn.

Đối với số tiền gốc, đến nay Ngân hàng chưa có thông báo trả gốc nên việc bà V thực hiện trả lãi vẫn thực hiện đúng theo thông báo của Ngân hàng, chỉ có thời gian gần đây bà V chưa kịp trả lại cho Ngân hàng đúng hạn. Do đó, bà V không rõ lý do mà ông C khởi kiện đối với vợ chồng bà V, ông C1.

Số tiền vay 300.000.000đ mà ông Lê Đình A vay tiền dùm cho vợ chồng bà V được sử dụng vào mục đích xây dựng nhà cửa.

Bị đơn ông Dương Công C1: Ông Dương Công C1 là chồng hợp pháp của bà Lê Thị Hồng V. Ông C1 có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; hiện đang đi làm xa. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật đối với các văn bản tố tụng cho Tòa án cũng triệu tập nhiều lần cá nhân ông Dương Công C1 đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông C1 vắng mặt không có lý do. Do đó, không có lời khai của ông C1 trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Đình A, bà Nguyễn Thị T đều trình bày ý kiến như sau:

Ông Lê Đình A và bà Nguyễn Thị T là cha mẹ ruột của anh Lê Đình Tuấn C; giữa ông A, bà T với vợ chồng bà V, ông C1 là anh em cô chú bác.

Vào năm 2021, khi vợ chồng ông A, bà T đang làm thủ tục đáo hạn tiền vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện N, có gặp bà Lê Thị Hồng V. Thời điểm này được biết vợ chồng bà V đang xây dựng nhà có khó khăn về kinh tế nên nhờ ông A, bà T cho bà V mượn sổ đỏ để thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền. Vì suy nghĩ là anh em trong gia đình nên vợ chồng ông A, bà T đã đồng ý giúp đỡ bà V, ông C1 vay tiền tại Ngân hàng. Tại thời điểm đáo hạn, ông A bà T đã thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là diện tích đất rẫy trồng cây cao su và cây điều để vay lại số tiền 500.000.000, trong đó 200.000.000đ là tiền ông A bà T vay để sử dụng, còn số tiền 300.000.000đ vay giúp bà V. Khi Ngân hàng giải ngân đã chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của bà V.

Đến năm 2022, ông A bà T đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay 200.000.000 đồng. Đối với phần tiền vay của bà V thì thời gian đầu bà V vẫn trả tiền lãi đầy đủ nhưng đến tháng 02/2024 cho đến nay, bà V ông C1 đã không thực hiện thanh toán trả lãi đúng hạn cho Ngân hàng. Mặc dù đã được gia đình ông A, bà T chụp thông báo trả lãi của Ngân hàng để bà V tự trực tiếp trả cho Ngân hàng nhưng bà V đã không thực hiện đúng thời hạn.

Ngày 20/3/2023, vì sức khỏe của ông A, bà T yếu nên gia đình thỏa thuận để cho ông Lê Đình Tuấn C đứng trên Hợp đồng vay tiền đối với số tiền 300.000.000đ mà vợ chồng bà V, ông C1 đã vay của vợ chồng ông A, bà T; hợp đồng vay tiền đã được công chứng tại Văn phòng C2 và được thay thế cho giấy mượn tiền ngày 08/11/2021 mà vợ chồng bà V, ông C1 đã ký vay tiền cho vợ chồng ông A, bà T.

Hiện nay, ông Lê Đình A và bà Nguyễn Thị T đều yêu cầu bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1 phải có trách nhiệm trả cho anh Lê Đình T1 Càng số tiền 300.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 02/2024 cho đến khi bà V, ông C1 trả đủ số tiền nợ gốc và lãi theo mức lãi suất quy định theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N chi nhánh T2 và gia đình ông A.

Ông A, bà T thống nhất để cho ông Lê Đình T1 Càng quyết định đối với toàn bộ dung vụ án mà anh C đã khởi kiện ra Tòa án đối với bà V, ông C1; ngoài ra, ông A bà T không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Lê Thị Mỹ D trình bày ý kiến như sau:

Chị Lê Thị Mỹ D là vợ hợp pháp của anh Lê Đình Tuấn C.

Vào thời gian nào chị D không rõ, chị D có biết ông Lê Đình A bà Nguyễn Thị T (là cha mẹ chồng của chị D) có cho bà V, ông C1 vay lại số tiền 300.000.000đ sau khi gia đình vay tiền có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thỏa thuận trả tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng. Hiện nay gia đình đã thanh toán xong khoản vay của gia đình, chỉ còn lại số tiền 300.000.000đ đã đưa cho bà V, ông C1 vay.

Vì hiện nay ông Lê Đình A bệnh nặng, bà Nguyễn Thị T đã lớn tuổi nên trong nội bộ gia đình mới phân chia tài sản cho các con, trong đó diện tích đất rẫy mà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng được cha mẹ (ông A, bà T) cho vợ chồng anh C, chị D. Gia đình đã thống nhất để vợ chồng anh C, chị D có trách nhiệm đối với khoản tiền 300.000.000đ và lấy sổ về cho gia đình.

Về yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình Tuấn C đối với bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1 thì chị D thống nhất, yêu cầu vợ chồng bà V, ông C1 phải cho vợ chồng anh C, chị Duyên số tiền nợ 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh trong thời gian mà bà V, ông C1 không thanh toán đúng hạn để tránh Hợp đồng tín dụng mà ông Lê Đình A, bà Nguyễn Thị T đứng tên chuyển sang nợ xấu.

Những chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án:

- Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 bản gốc "Hợp đồng vay tiền" giữa bên cho vay Lê Đình Tuấn C với bên vay Lê Thị Hồng V, công chứng vào ngày 20/3/2023 tại Văn phòng C2; 01 giấy gốc "Giấy bàn giao" có nội dung "Tôi tên: Lê Đình Tuấn C bàn giao lại giấy ghi nợ viết tay của cô Lê Thị Hồng V vào lúc 10h ngày 15/6/2025 Giấy nợ của Lê Đình A cho cô Lê Thị Hồng V số tiền 300.000.000đ vào ngày 7/8/2021, ký tên Lê Thị Hồng V, Lê Đình Tuấn C"; Bản

photo "Giấy mượn tiền" ngày 08/11/2021; 02 tờ giấy A4 về tín nhắn gửi giấy báo lãi đến Lê Thị Hồng V; 01 bản photo "Hợp đồng tín dụng" ngày 01/11/2021; Các "Giấy báo lãi đến hạn" vào các ngày 03/3/2025, ngày 02/6/2025, ngày 10/9/2025 của Ngân hàng N chi nhánh T2 và 01 "Chứng từ giao dịch" về việc trả tiền lãi từ ngày 29/02/2024 đến ngày 04/9/2025 với số tiền 50.396.452 đồng và 01 chứng từ giao dịch ngày 15/9/2025 số tiền 2.350.000 đồng.

- Chứng cứ bị đơn cung cấp: Không có.

Chứng cứ Toà án thu thập: Biên bản lấy lời khai của đương sự; biên bản công khai chứng cứ; biên bản hoà giải.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đủ về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự; riêng bị đơn ông Dương Công C1 không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Đình Tuấn C: Buộc bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1 phải trả cho anh Lê Đình T1 Cang 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Về án phí: Bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho anh Lê Đình T1 Cang số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn anh Lê Đình Tuấn C khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1 phải có trách nhiệm số tiền nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh; ngoài ra các đương sự không còn yêu cầu khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Đối với yêu cầu về việc trả tiền nợ gốc:

Anh Lê Đình Tuấn C yêu cầu bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1 trả số tiền vay gốc là 300.000.000đ. Căn cứ khởi kiện là hợp đồng vay tiền được công chứng vào ngày 20/3/2023; theo nội dung hợp đồng vay tiền thể hiện phương thức trả nợ: tiền gốc thì chia làm 3 đợt để trả, cụ thể ngày 08/11/2023, bên vay phải trả cho bên cho vay số tiền gốc 50.000.000đ; ngày 08/11/2024, tiếp tục trả số tiền gốc 50.000.000đ và đến ngày 08/11/2025, trả số tiền 200.000.000đ còn lại. Tuy nhiên, cho đến nay, bà V chưa thực hiện việc trả nợ gốc theo từng đợt như thoả thuận. Bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bà Lê Thị Hồng V cho rằng nguồn gốc của số tiền 300.000.000đ là tiền vay tại Ngân hàng do ông Lê Đình A (cha của anh C) cho bà V, ông C1 vay, vì gia đình anh C đã trả trước số tiền gốc 200.000.000đ nên vượt thời hạn theo phân kỳ trả tiền gốc của Ngân hàng đưa ra nên số tiền 300.000.000đ còn lại chưa đến thời hạn trả tiền gốc tại Ngân hàng là vào ngày 01/11/2026. Quá trình hòa giải tại Tòa án, anh C đồng ý cho bà V trả tiền gốc 300.000.000đ theo hạn trả của Ngân hàng (ngày 01/11/2026) nhưng với điều kiện bà V phải thanh toán đầy đủ tiền lãi từ tháng 2/2024 cho đến thời điểm hòa giải (tháng 5/2025) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện N. Tuy nhiên, bà V đến nay vẫn không thực hiện đúng thoả thuận nên anh C vẫn yêu cầu trả tiền gốc theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/3/2023.

Xét thấy, giữa anh C và bà V đều thống nhất không căn cứ vào giấy tiền ngày 08/11/2021 để yêu cầu bà V, ông C1 trả nợ mà căn cứ vào hợp đồng vay tiền được công chứng vào ngày 20/3/2025 được ký giữa anh Lê Đình Tuấn C với bà Lê Thị Hồng V. Theo hợp đồng vay này, bà V có nghĩa vụ trả nợ gốc theo từng đợt cụ thể: ngày 08/11/2023, bên vay phải trả cho bên cho vay số tiền gốc 50.000.000đ; ngày 08/11/2024, tiếp tục trả số tiền gốc 50.000.000đ và đến ngày 08/11/2025, trả số tiền 200.000.000đ còn lại. Tuy nhiên thời gian qua bà V đã

không thực hiện trả nợ gốc theo phân kỳ. Điều đó đã thể hiện bên vay (bà V) đã vi phạm thời gian trả nợ theo phân kỳ trả tiền gốc đã ký trong hợp đồng. Hơn nữa, tại thời điểm hòa giải (ngày 15/5/2025), các bên đã thỏa thuận cho bà V sắp xếp để trả số tiền lãi cho Ngân hàng để không ảnh hưởng đến hợp đồng tín dụng mà ông Lê Đình A đứng tên bị chuyển sang nợ xấu nhưng bà V vẫn thực hiện không đủ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc vay là có căn cứ cần chấp nhận.

Số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng có nguồn gốc từ việc vay Ngân hàng của ông Lê Đình A, bà Nguyễn Thị T cho vay và giữa ông A bà T với vợ chồng bà V, ông C1 có ký xác nhận nợ số tiền này. Hơn nữa, thời điểm bà V vay tiền được sử dụng vào việc xây dựng nhà. Do đó, có đủ căn cứ buộc bà Lê Thị Hồng V và ông Dương Công C1 cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ gốc 300.000.000đ cho nguyên đơn anh Lê Đình Tuấn C là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Đối với yêu cầu về việc trả tiền lãi:

Anh Lê Đình Tuấn C có yêu cầu bà Lê Thị Hồng V và ông Dương Công C1 phải trả tiền lãi từ tháng 02/2024 cho đến nay theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng của Ngân hàng N với ông Lê Đình A. Theo thông báo lãi của Ngân hàng thì tiền lãi từ tháng 2/2024 đến ngày 30/9/2025 là 52.747.137 đồng. Để duy trì hợp đồng vay với Ngân hàng nên anh C đã thực hiện thanh toán đầy đủ tiền lãi đến ngày 30/9/2025 cho Ngân hàng. Thời gian gần đây, bà V có chuyển khoản cho ông Lê Đình A số tiền 10.000.000đ để trả lãi. Do đó anh C yêu cầu bà V phải trả cho anh C số tiền 42.747.137 đồng tiền lãi; đồng thời yêu cầu bà V, ông C1 phải tiếp tục trả lãi trên khoản vay theo thỏa thuận tính từ ngày 01/10/2025.

Xét thấy: Theo nội dung trong “Hợp đồng vay tiền” ngày 20/3/2023 giữa anh C và bà V thể hiện: Lãi suất do hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Trong quá trình tố tụng các đương sự cũng trình bày: các bên thỏa thuận mức lãi theo lãi suất của Ngân hàng theo quy định trong hợp đồng tín dụng giữa ông Lê Đình A với Ngân hàng; bà V phải trực tiếp đóng lãi cho Ngân hàng khi đến hạn (đóng lãi theo Q). Tuy nhiên, từ Quý 2/2024, bà V không thực hiện đóng lãi theo thuận, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu của anh C về việc buộc bà V, ông C1 trả lãi là có căn cứ, cần buộc bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1 phải trả tổng số tiền lãi đến ngày 30/9/2025 là 42.747.137 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Đình Tuấn C được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trả lại cho anh Lê Đình T1 Cang số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228; Điều 235, Điều 161, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;
- Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.
- Các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Đình Tuấn C đối với bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1.

Buộc bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1 phải trả cho anh Lê Đình Tuấn C tổng số tiền số tiền 342.747.137 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi bảy đồng); trong đó tiền nợ gốc 300.000.000đ, tiền nợ lãi là 42.747.137 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Hồng V, ông Dương Công C1 phải nộp 17.137.356 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung vào Ngân sách nhà nước.

Trả lại cho anh Lê Đình T1 Cang số tiền tạm ứng án phí 9.000.000đồng đã nộp theo biên lai số 0001608, ngày 20/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Lâm Đồng).

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (ngày 30/9/2025); bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận